TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2024
V/v ly hôn giữa ông N và bà R

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang;

Bà Phạm Hồng Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng -Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 N 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 N 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 N 2024 giữa các đương sự:\

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế N (tên gọi khác Nguyễn Văn N), sinh N 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Bà Trần Thị R, sinh N 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 N 2024, bản tự khai ngày 22/3/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Thế N trình bày:

Ông và bà Trần Thị R tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 25/01/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên đánh chửi nhau. Từ ngày 15 tháng 01 N 1994 (âm lịch) bà R về nhà đẻ tại xã B ở, cũng từ đó đến nay vợ chồng ông sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bản thân ông bị bệnh giữa ông và bà R không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà R ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa ông và bà R có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, ngày 09/6/1994, nay cháu đã trưởng thành, lấy chồng, lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông và bà R không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2024 bị đơn bà Trần Thị R trình bày: Bà và ông Nguyễn Thế N tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N huyện N, tỉnh Nam Định vào N 1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà làm nghề buôn bán tự do ngoài tỉnh đi làm cách ngày cách đêm mới về nhà, nên ông N nghi ngờ bà không chung thủy đã đánh đuổi bà đi. Từ N 1994 bà về nhà đẻ quê xã B để ở (lúc đó bà đang có thai con của ông N), cũng từ đó vợ chồng bà sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông N làm đơn xin ly hôn bà nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa bà và ông N có 01 con chung tên là cháu Nguyễn Thị Thu H, ngày 09/6/1994, nay cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thế N (tên gọi khác Nguyễn Văn N) và bà Trần Thị R;

- Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Ông Nguyễn Thế N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế N (tên gọi khác Nguyễn Văn N) và bà Trần Thị R tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 25/01/1993, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, ông N đã đánh chửi đuổi bà R đi, từ N 1994 bà R về nhà đẻ tại xã B để ở, cũng từ đó ông bà sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông N và bà R đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn đoàn tụ, ông N là đơn xin ly hôn bà R đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông N và bà R không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Trần Thị R của ông Nguyễn Thế N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa ông N và bà R có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu H, ngày 09/6/1994. Hiện chị H đã trưởng thành, lao động tự lập được, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Thế N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thế N (tên gọi khác Nguyễn Văn N) và bà Trần Thị R;

2. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Thế N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông N đã nộp theo biên lai số 0004994 ngày 19 tháng 3 N 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.